

**Trường THCS Châu Văn Liêm**

**KHỐI 6 - TUẦN 4- TUẦN 5 ( 27/9/2021 –8/10/2021)**

**NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN NGỮ VĂN 6**

**Thời gian: Tuần 4 ( 27/9/2021 – 3/10/2021)**

**TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA MỘT VĂN BẢN BẰNG SƠ ĐỒ**

HS chủ động vẽ sơ đồ văn bản “Sự tích hồ Gươm” vào vở.

**THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**1. Chuẩn bị nội dung**

- Xác định đề tài, mục đích

nói và người nghe (SGK).

- Tìm ý và lập dàn ý

- Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

**2. Tập luyện**

- HS nói một mình trước gương.

- HS nói tập nói trước nhóm/tổ hoặc trước lớp

- Yêu cầu:

+ Nói đúng mục đích, vấn đề.

+ Nội dung có mở đầu, kết thúc

+ Nói to, rõ, truyền cảm.

**ÔN TẬP**

**Câu 3/36: Đặc điểm truyền thuyết**

\* Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

\* Nhân vật trong truyện là con người, loài vật, đồ vật được nhân hoá. Nhân vật thường có các đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng; thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ

\* Cốt truyện là chuỗi các sự việc được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có liên quan chặt chẽ với nhau. Truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh của nhân vật.

\* Truyện thể hiện thái độ, tình cảm và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử.

**Câu 4/36: Lưu ý khi tóm tắt sơ đồ**

\* Bước 1: Cần đọc kĩ văn bản. Tìm từ khoá, xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ.

\* Bước 2: Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất

\* Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ

**Câu 5/36: Bài học giúp em hiểu điều gì về lịch sử nước mình?**

- Hiểu thêm về lịch sử của dân tộc Việt Nam: Là một dân tộc có truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết chung sức chung lòng, yêu thương gắn bó giúp đỡ nhau...

## PHẦN GHI VỞ MÔN GDCD TUẦN 4

### BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

#### I. Khám phá: SGK

#### II. Nội dung bài học

##### 1. Thế nào là yêu thương con người

Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

##### 2. Biểu hiện của yêu thương con người

- Biểu hiện của yêu thương con người: Quan tâm, chia sẻ, cảm thông, hỗ trợ, giúp đỡ, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác,...

- Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỉ, thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, ngược đãi, sỉ nhục người khác,...

##### 3. Ý nghĩa của yêu thương con người

- Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy

Tình yêu thương con người giúp chúng ta:

- + Sống tốt đẹp hơn
- + Được mọi người yêu quý và kính trọng.
- + Góp phần tạo nên một thế giới yêu thương.

#### BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Tình huống 1:** Hai bài kiểm tra giữa kì trong buổi học chiều nay làm Minh vô cùng căng thẳng. Về đến nhà, Minh muốn đi chơi với các bạn nhưng thấy mẹ đang tắt bật nấu cơm; bố đi làm về với gương mặt mệt mỏi. Minh không biết phải làm sao?

**Tình huống 2:** Hôm qua, Bình phát hiện gia đình Giang có hoàn cảnh rất khó khăn: bố Giang mất sớm, mẹ bị tai nạn phải nằm một chỗ. Giang và mẹ ở cùng với bà ngoại cũng đã già yếu. Bình rất xúc động và băn khoăn nhiều về hoàn cảnh của Giang.

**Tình huống 3:** Hôm kia, Bảo đã thống nhất với bố mẹ sẽ quyên góp ủng hộ các gia đình bị thiệt hại bởi lũ lụt một số tiền. Sáng nay, Thảo và Quyên rủ Bảo tham gia buổi liên hoan đội bóng của khối. Bảo không biết phải làm sao?

#### Câu hỏi:

1. Nếu là các bạn Minh, Bình, Bảo em sẽ làm gì?

2. Em có thể làm gì để thể hiện tình yêu thương con người (đối với người thân trong gia đình, đối với bạn bè, đối với cộng đồng xã hội)?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**  
**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**  
**TUẦN 4- PHẦN LỊCH SỬ**

**1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>Bài 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY</b>
<b>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></b>	<p><b>Đọc thông tin ở Mục 1 và sơ đồ 4.1 “Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy” trang 18-19 SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào ?</li> <li>+ Đặc điểm căn bản trong quan hệ người với người thời nguyên thủy?</li> </ul> <p><b>II. Đời sống vật chất của người nguyên thủy trang 22, 23,24 SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <p>Quan sát các hình 4.2, 4.4, 4.5,4.6 em hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kể tên các công cụ lao động của người nguyên thủy? Công cụ đó dùng để làm gì?</li> <li>+ Làm thế nào mà em nhận biết đâu là hòn đá nhặt, đâu là hòn đá chế tác ?</li> <li>+ Công cụ được cải tiến như thế nào?</li> <li>+ Ở Việt Nam công cụ lao động bằng đá được tìm thấy ở đâu?</li> <li>+ Việc cải tiến công cụ lao động và lao động có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của con người trong xã hội nguyên thủy ? (công cụ lao động ngày càng đa dạng hơn, đôi bàn tay dần khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động).</li> <li>+ Hs quan sát hình 4.7 kết hợp phần “em có biết”, để trả lời câu hỏi:</li> <li>+ Mô tả các con vật có trong bức vẽ. Vì sao những con vật trong bức vẽ là đối tượng săn bắn của người nguyên thủy khi họ đã có cung tên?</li> <li>+ Sau khi săn bắt được những con vật này, họ sẽ ăn thịt như thế nào?</li> <li>+ Quan sát hình 4.8 và nắm được: Cách thức lao động và vai trò của lửa trong đời sống của người nguyên thủy ở Việt Nam. (chi tiết nào trong hình cho biết đó là “hái lượm”, chi tiết nào cho biết đó là “săn</li> </ul>

bắt”, chi tiết nào cho biết là “chế tạo công cụ lao động”; “nấu ăn”)  
 + Quan sát hình 4.9 cho biết: Chi tiết nào cho thấy con người đã biết thuần dưỡng động vật?

+ Kể tên những địa điểm chứng minh có sự xuất hiện của nông nghiệp ở Việt Nam thời nguyên thủy?

### III. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy trang 25/SGK LS-ĐL 6

+ Quan sát các hình 4.10 và 4.11: đời sống tinh thần của người nguyên thủy Việt Nam như thế nào ?

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy.  
 2. Em hãy hoàn thành bảng dưới đây:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể	?	?
Công cụ và phương thức lao động	?	?
Tổ chức xã hội	?	?

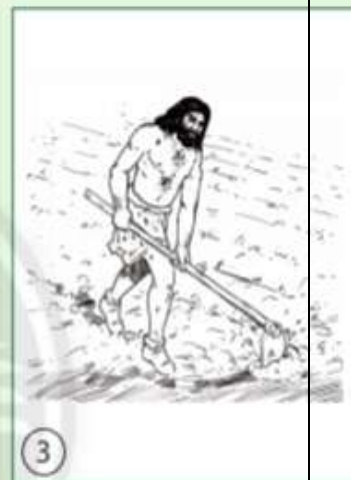
### VẬN DỤNG:

3. Theo em lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?

4. Vận dụng kiến thức trong bài học, em hãy sắp xếp các bức vẽ minh họa đời sống lao động của người nguyên thủy bên dưới theo hai chủ đề:

Chủ đề 1: Cách thức lao động của Người tối cổ.

Chủ đề 2: Cách thức lao động của Người tinh khôn.



## 2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài:

### BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

#### I. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy:

- Xã hội nguyên thủy phát triển qua ba giai đoạn: bầy người nguyên thủy, thị tộc, bộ lạc
- Họ sống lệ thuộc vào tự nhiên, của cải chung, cùng làm và cùng hưởng thụ bằng nhau

#### II. Đời sống vật chất của người nguyên thủy

##### 1. Lao động và công cụ lao động:

- Ban đầu, người tối cổ chỉ biết sử dụng những mẩu đá vừa vụn cầm tay để làm công cụ; về sau họ biết ghè đá tạo thành công cụ lao động thô

sơ, biết tạo ra lửa để sưởi ấm, nướng thức ăn và xua đuổi thú dữ  
 - Người tinh khôn biết mài đá làm công cụ, biết sử dụng lao, cung tên nên nguồn thức ăn phong phú hơn.

## **2. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt chăn nuôi:**

- Ban đầu, người nguyên thủy chủ yếu là hái lượm và săn bắt. Về sau, họ biết trồng trọt, chăn nuôi, thuần dưỡng động vật và sống định cư.

- Người nguyên thủy ở Việt Nam biết làm nông nghiệp từ thời văn hoá Hoà Bình (10.000 năm); sau đó định cư ở nhiều nơi như Cái Bèo, Hạ Long, Bàu Tró...

### **II. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy**

- Người nguyên thủy có tục chôn người chết kèm theo công cụ lao động
- Họ biết làm và sử dụng đồ trang sức
- Biết dùng màu để hóa trang hay làm đẹp
- Họ biết vẽ trên các vách hang động, điêu khắc trên đá để thể hiện đời sống tinh thần của mình.

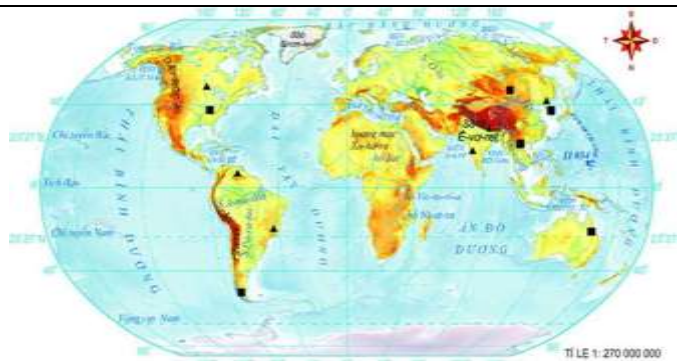
HẾT

## **GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến) TUẦN 4- PHẦN ĐỊA LÍ**

### **1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

#### **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHỮ GIẢI TRÊN MỘT BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG.</b>
<b>+ Hoạt động 1 : tìm hiểu kí hiệu bản đồ và chú giải</b>	Dựa vào hình 2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a, b, c, d tương ứng với nội dung các hình nào (1, 2, 3, 4)? Quan sát hình 2.2 và hình 2.3, em hãy: - Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu. - Cho biết kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Kí hiệu nào được dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?
<b>Hoạt động 2.: Tìm hiểu về CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ</b>	HS quan sát 1 số bản đồ ? Trên BĐ người ta thể hiện những gì? ? Ký hiệu bản đồ là gì? Hãy kể thêm tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng các loại kí hiệu: điểm, đường, diện tích.
<b>Hoạt động 3: Luyện tập.</b>	Dựa vào hình 2.2 và hình 2.3 em hãy:



Xác định vị trí và độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (Everest), vị trí và độ sâu của vực biên Ma-ri-a-na (Mariana).

- Tìm dãy núi Rốc-ki (Rocky).
- Hãy xác định vị trí của sân bay Nội Bài.

**2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

**Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG.**

**Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)**

**I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI**

- Kí hiệu bản đồ là phương tiện dùng để thể hiện ..... hay ..... của các sự vật và hiện tượng địa lí.

-Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự ..... của các thông tin thể hiện trên bản đồ. Ý nghĩa của các kí hiệu được giải thích rõ ràng trong .....của bản đồ..

**II/ CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ**






**Định nghĩa:**




Ký hiệu BĐ là những dấu hiệu quy ước ( màu sắc, hình vẽ) thể hiện đặc trưng các đối tượng địa lý

**Các loại ký hiệu:**

Kí hiệu điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>•4* Sân bay</li> <li>Cảng biển</li> <li>◆ Nhà máy thủy điện</li> </ul>
Kí hiệu đường	<p>Biên giới quốc gia</p> <p>----- Đường bộ</p> <p>----- Đường sắt</p>
Kí hiệu diện tích	<p>Đất cát</p> <p>Đất phù sa sông</p> <p>Đất phèn</p>

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>Khối 6: Tuần 4- Tiết 4</b> <b>-Lý thuyết âm nhạc: Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc</b> <b>-Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 1</b>
	<p>I.Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao độ: Độ cao thấp, trầm bổng của âm thanh.</li> <li>- Trường độ: Độ ngân dài, ngắn của âm thanh.</li> <li>- Cường độ: Độ mạnh, nhẹ hoặc to, nhỏ của âm thanh.</li> <li>- Âm sắc: Là các sắc thái khác nhau của âm thanh như tiếng sáo, piano, trống, kèn, tiếng hát...</li> </ul> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>Cao độ:</b> Độ cao, thấp của âm thanh.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>Trường độ:</b> Độ ngân dài, ngắn của âm thanh.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>Cường độ:</b> Độ to, nhỏ hoặc mạnh, nhẹ của âm thanh.</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>Âm sắc:</b> Màu sắc của âm thanh (trong trèo, kèn đục,...).</p>  </div> </div> <p>II.Bài đọc nhạc số 1</p> <p>1.Nhận xét bài TĐN số 1</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài đọc nhạc số 1</b></p> <p style="text-align: center;"><i>Moderato (vừa phải)</i></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao độ: gồm các nốt ĐỒ-RÊ-MI-LA</li> <li>- Trường độ: gồm hình nốt đen, nốt trắng và dấu lặng đen</li> </ul> <p>2.Đọc tên nốt trong bài TĐN số 1</p> <p>3.Đọc tiết tấu:</p>

	 <p><b>Thể hiện tiết tấu bằng nhạc cụ gõ và động tác cơ thể</b></p>   <p>4. Hát giai điệu bài TĐN số 1</p>
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>-Nhận biết 4 thuộc tính của âm thanh, cho ví dụ khác về một số âm thanh có mang 4 thuộc tính -Gõ đệm bài đọc nhạc số 1 với dụng cụ tự có</p>

## CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC

### Tiết 4:

#### BÀI 2: TRANH TĨNH VẬT MÀU (Thời lượng 2 tiết)

#### III- Vẽ tranh tĩnh vật màu

- Hướng dẫn HS lựa chọn vị trí quan sát để xác định ánh sáng, hình dáng, tỉ lệ, màu sắc các vật mẫu.



- HS thực hiện vẽ tranh theo ý thích.

#### IV-Trưng bày và chia sẻ :

HS phân tích và chia sẻ cảm nhận về:

- + Bài vẽ yêu thích.
- + Hoà sắc trong bài vẽ.
- + Cách diễn tả về bố cục, nét, hình, màu, đậm nhạt trong bài vẽ.

#### V- Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả :

- + Làm khung cho bức tranh để tặng người thân, bạn bè,...
- + Dùng tranh tĩnh vật để trang trí nội thất trong gia đình, góc học tập, lớp học,...

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**  
**NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 4 - 5**  
**KHỐI 6:**

**BÀI 1: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN**

- Luyện tập chạy bước nhỏ 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm hông 30 giây x 3 lần
- **Nhảy dây 3 phút x 3 lần**

## TUẦN 4: PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 6

Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6

### BÀI 2: - SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH (Tiếp theo)

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu (không cần ghi vào vở)**

#### 2.2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình



**Hình 2.3.** Những việc làm gây lãng phí điện năng

*Vì sao những việc làm trong Hình 2.3 lại gây lãng phí điện năng?  
Làm cách nào để tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình?*

#### 2.3. Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình

*Trong những trường hợp ở Hình 2.4, giả sử cùng chế biến một món ăn, theo em, trường hợp nào giúp tiết kiệm năng lượng? Vì sao?*



**Hình 2.4.** Các trường hợp sử dụng năng lượng chất đốt để đun nấu

Hãy kể thêm những biện pháp tiết kiệm chất đốt khác mà em biết.

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

**LUYỆN TẬP**

1. Em hãy nêu những biện pháp tiết kiệm điện khi sử dụng tivi, tủ lạnh.



2. Vì sao những cách làm dưới đây giúp tiết kiệm chất đốt?

**PHIẾU TRẢ LỜI CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
CÂU 1	
CÂU 2	

**HS ghi nội dung bài học vào vở**

**Tuần 4- BÀI 2: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH (tt)**

**2.2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình**

- Chỉ sử dụng điện khi cần thiết; tắt các đồ dùng điện khi không sử dụng;
- Điều chỉnh hoạt động của đồ dùng ở mức vừa đủ dùng;
- Thay thế các đồ dùng điện thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện;
- Tận dụng gió, ánh sáng tự nhiên và năng lượng mặt trời để giảm bớt việc sử dụng các đồ dùng điện.

**2.3. Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình**

- Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với diện tích đáy nồi và phù hợp với món ăn;
- Tắt thiết bị ngay khi sử dụng xong;
- Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng.

**VẬN DỤNG: Học sinh làm bài vào vở**

1. Hãy kể những biện pháp tiết kiệm điện mà em đã thực hiện.
2. Gia đình em đã sử dụng tiết kiệm chất đốt như thế nào?

## TUẦN 5: PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 6

### Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6 **BÀI 3: NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu (không cần ghi vào vở)**

#### **1.KHÁI NIỆM NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

*Em hãy quan sát Hình 3.1 và trả lời các câu hỏi dưới đây.*

- 1) Hệ thống điều khiển kết nối với các thiết bị trong nhà
  - 2) Chuông báo và thiết bị nhận diện khuôn mặt để mở cửa tự động
  - 3) Máy điều hoà nhiệt độ tắt/mở tự động
  - 4) Đồ dùng nhà bếp tắt mở tự động
  - 5) Đèn chiếu sáng tắt/mở tự động
  - 6) Hệ thống kiểm soát an ninh tự động
  - 7) Thiết bị giải trí tắt mở tự động
  - 8) Tận dụng năng lượng mặt trời và gió tự nhiên
  - 9) Điều khiển các thiết bị trong nhà bằng điện thoại, máy tính bảng
- Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh có điểm gì khác với các thiết bị thông thường?
  - Ngôi nhà thông minh có điểm gì khác với ngôi nhà thông thường?

#### **2.ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

*Em hãy quan sát Hình 3.2 và trả lời các câu hỏi dưới đây*

- Hệ thống điều khiển và các đồ dùng điện tự động trong ngôi nhà thông minh giúp ích gì cho con người?
  - Việc giám sát hoạt động của các đồ dùng điện trong nhà bằng điện thoại thông minh có thể giúp ích cho con người trong những trường hợp nào?
  - Việc sử dụng pin năng lượng mặt trời khiến ngôi nhà thông minh có ưu điểm gì so với ngôi nhà thông thường?
    - Một ngôi nhà thông minh thường có các đặc điểm sau:
      - Tiện ích: có hệ thống điều khiển các đồ dùng điện của ngôi nhà tự động hoạt động theo chương trình cài đặt sẵn.
      - An ninh, an toàn: có thể giám sát ngôi nhà và điều khiển các đồ dùng điện trong nhà từ xa bằng phần mềm cài đặt trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay.
      - Tiết kiệm năng lượng: tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời.
- **Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

*Em hãy cho biết các biểu hiện dưới đây thể hiện đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh.*

  - Người đi đến, đèn tự động bật lên; khi không có người, đèn tự động tắt.
  - Có màn hình hiển thị hình ảnh của khách ở cửa ra vào.
  - Có hệ thống điều khiển từ xa để cửa tự động mở.
  - Đúng 7 giờ sáng, rèm cửa tự động kéo ra để ánh sáng mặt trời chiếu vào nhà.
  - Khi xuất hiện khói hoặc lửa, tín hiệu báo cháy phát ra.
  - Cửa tự động mở bằng cảm ứng vân tay.
  - Tivi tự động mở những chương trình mà chủ nhà yêu thích.

**HS ghi nội dung bài học vào vở****Tuần 5- BÀI 3: NGÔI NHÀ THÔNG MINH****1.KHÁI NIỆM NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động để các thiết bị, đồ dùng trong nhà có thể tự động hoạt động theo ý muốn của chủ nhà.

**2.ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

Một ngôi nhà thông minh thường có các đặc điểm sau:

- Tiện ích: có hệ thống điều khiển các đồ dùng điện của ngôi nhà tự động hoạt động theo chương trình cài đặt sẵn.
- An ninh, an toàn: có thể giám sát ngôi nhà và điều khiển các đồ dùng điện trong nhà từ xa bằng phần mềm cài đặt trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay.
- Tiết kiệm năng lượng: tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời.

**VẬN DỤNG: Học sinh làm bài vào vở**

Em hãy mô tả những đồ dùng hoặc ngôi nhà thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh mà em đã từng trông thấy hoặc sử dụng.

# TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

## Tuần 4 ( tiết 10,11,12 )

### Unit 1 Towns and cities

( Lesson 1: Vocabulary (p.14-15); Lesson 2 : Reading (p.16); Lesson 3 : Language focus (P.17) )

#### 1. Vocabulary

- bridge (n)
- monument (n)
- flat (n)
- office building (n)
- square (n)
- shopping centre (n)
- sports centre (n)
- clean (adj)
- dangerous (adj)
- dirty (adj)
- friendly (adj)
- modern (adj)
- noisy (adj)
- pretty (adj)
- quiet (adj)
- safe (adj)

Do exercise: 1,2 p.14 ( student book )

- cruise ship (n)
- fantastic (adj) – E.g.: This is a fantastic hotel.
- comfortable (adj) – E.g.: This soft bed is very comfortable.
- cabin (n)
- passenger (n)
- chef (n) – a person who cooks.
- swimming pool (n)
- climbing wall (n)

Do exercise: 1,2,3 p.16 ( student book )

#### 2. Grammar :

\*

There is + a /an + singular Noun
There are + plural Noun

Ex: There is a cinema.

There are two cinemas.

There are + SOME + plural Noun
There are + NOT + ANY + plural Noun (= there aren't)

Ex: There are some restaurants.

There aren't any restaurants.

Do exercise: 3 p.14 ( student book )

#### \* **THERE IS (= THERE'S)**

There is + a /an + singular Noun
----------------------------------

Ex: There is a pen on the desk.

There is + NOT + a/an + singular Noun
---------------------------------------

Ex: There is not a buffalo in the rice field.

Is there + a/an + singular Noun?  
 Yes, there is / no, there isn't

Ex: Is there *an eraser* in your school bag?

⇒ No, there is not.

\* **THERE ARE (=THERE'RE)**

There are + plural Noun

Ex: There are *three apples* in the picnic basket.

There are + not + ANY + plural noun (= *there aren't*)

Ex: There aren't *any books* on the desk.

Are there + ANY + plural noun?  
 Yes, there are. / no, there aren't

Ex: Are there *any swimming pools* on the ship?

⇒ Yes, there are.

How many + plural Noun + are there.....?

Ex: How many chefs are there on the ship?

⇒ There are 50 chefs.

Do exercise: 1,2,3,4,5,6 p.17 ( student book )

3. WB (p.12) WB (p.16) WB (p.13)

## TUẦN 4: KHỐI 6

### TIN HỌC

#### CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

#### **BÀI 4. BIỂU DIỄN VĂN BẢN, HÌNH ẢNH, ÂM THANH TRONG MÁY TÍNH**

##### 1. Khái niệm bit

- Bit là đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin. Bit chỉ có thể nhận một trong hai trạng thái, kí hiệu là “0” và “1”.
- Ngoài ra có thể dùng kí hiệu khác như “on” và “of”, “bật” và “tắt”, “đúng” và “sai”.

##### 2. Biểu diễn chữ cái và văn bản trong máy tính

- Kí tự là tên gọi chung cho chữ cái, chữ số, dấu cách, dấu chính tả, kí hiệu khác...
- Trong máy tính:
  - Mỗi kí tự được biểu diễn bằng một dãy bit tương ứng xác định.
  - Mỗi văn bản được biểu diễn bằng một dãy bit.
- Ví dụ:



##### 3. Số hóa văn bản, hình ảnh, âm thanh

- Số hóa văn bản là việc chuyển văn bản thành dãy bit.
- Số hóa hình ảnh là việc chuyển hình ảnh thành dãy bit. Kết quả số hóa một hình ảnh là “hình ảnh số”.
- Số hóa âm thanh là việc chuyển đoạn âm thanh thành dãy bit. Kết quả số hóa của một đoạn âm thanh là “âm thanh số”.
- Số hóa dữ liệu là chuyển dữ liệu thành dãy bit, tức là dãy các kí hiệu “0” hoặc “1” liên tiếp, để máy tính có thể xử lí.

### PHIẾU HỌC TẬP

**Bài 1.** Em hãy chọn những câu đúng trong các câu sau:

- 1) Bit là đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin.
  - 2) Có hai loại bit là bit 0 và bit 1.
  - 3) Bit chỉ có thể nhận một trong hai trạng thái, kí hiệu là “0” và “1”.
- .....
- .....
- .....

**Bài 2.** Trong các câu sau, câu nào đúng:

- 1) Trong máy tính, mỗi kí tự là một dãy bit, hai kí tự khác nhau thì hai dãy bit biểu diễn chúng khác nhau .
- 2) Một bit là một dãy gồm nhiều số 0 và số 1 ghép lại để biểu diễn một chữ cái.
- 3) Số hóa dữ liệu là chuyển dữ liệu thành các số.
- 4) Ảnh số là kết quả số hóa dữ liệu ảnh.
- 5) Văn bản số là trang in gồm toàn các số.



**TUẦN 4- TOÁN****BÀI 9. ƯỚC VÀ BỘI****1. Ước và bội:** HS xem ví dụ b- SGK trang 28

Nếu có số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là **bội** của b ,còn b gọi là **ước** của a.

Tập hợp các ước của a ký hiệu là  $U(a)$

Tập hợp các bội của a ký hiệu là  $B(a)$

Ví dụ 1 :  $U(4) = \{ 1;2;4\}$

$B(6) = \{0;6;12;18;24;...\}$

• **Chú ý:**

+ Số 0 là bội của tất cả các số tự nhiên khác 0. Số 0 không là ước của bất kì số tự nhiên nào.

+ Số 1 chỉ có một ước là 1. Số 1 là ước của mọi số tự nhiên.

+ Mọi số tự nhiên a lớn hơn 1 luôn có ít nhất hai ước là 1 và chính nó.

**Thực hành 1:** HS thực hiện

- 1) a) 48 là bội của 6 vì .....
- b) 12 là ước của 48 vì .....
- c) 48 là ước/bội của 48 vì .....
- d) 0 là bội của 48 vì .....

2)  $U(6) = \{1; 2; 3; 6\}$ .

3)  $U(24) = \{1;2;3;4;6;8;12;24\}$ .

Nên Số 24 là bội của 1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24

**2.Cách tìm ước :** (HS suy nghĩ và hoàn thành cách tìm ước của một số tự nhiên a)

\* **Cách tìm  $U(a)$ :**

Muốn tìm các ước của số tự nhiên a ( a >1), ta có thể lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là ước của a,

**Thực hành 2:**

a)  $U(17) = \{1; 17\}$ .

b)  $U(20) = \{ 1; 2; 4; 5; 10; 20\}$ .

**3. Cách tìm bội.** HS xem ví dụ 3- SGK trang 30

\* **Cách tìm  $B(a)$ :**

Muốn tìm các bội của số tự nhiên a  $\neq 0$ , ta có thể nhân a lần lượt với 0, 1, 2, 3, ...

**Chú ý:** Bội của a có dạng tổng quát là a . k với k  $\in \mathbb{N}$ . Ta có thể viết:

$$B(a) = \{ a \cdot k \mid k \in \mathbb{N} \}$$

**Thực hành 3:** Sau khi nghiên cứu bài học , HS hoàn thành Thực hành 3

a)  $B(4) = \{0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44, \dots\}$ .

b)  $B(7) = \{0, 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70, 77, \dots\}$ .

**BÀI 10. SỐ NGUYÊN TỐ- HỢP SỐ  
PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ**

**1. SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ:**

HS viết tập hợp các Ước của 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

a)  $U(1) = 1$

$$U'(2) = \{1; 2\}$$

$$U'(3) = \{1; 3\}$$

$$U'(4) = \{1; 2; 4\}$$

$$U'(5) = \{1; 5\}$$

$$U'(6) = \{1; 2; 3; 6\}$$

$$U'(7) = \{1; 7\}$$

$$U'(8) = \{1; 2; 4; 8\}$$

$$U'(9) = \{1; 3; 9\}$$

$$U'(10) = \{1; 2; 5; 10\}$$

(Sau khi nghiên cứu khái niệm số nguyên tố, hợp số ở SGK trang 31 => phân loại số nguyên tố và hợp số trong các số đã cho.

=> HS đọc nhiều lần :)

\*Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

\***Chú ý** :Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.

## 2. PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ

a) Thế nào là phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:

- HS tìm hiểu ví dụ SGK trang 31 => hiểu rõ cụm từ "Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố" là gì?

\* Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.

$$\text{VD: } 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 2^3.3$$

\* **Chú ý:**

- Mọi số tự nhiên lớn hơn 1 đều phân tích được thành tích các thừa số nguyên tố.

- Mỗi số nguyên tố chỉ có một dạng phân tích ra thừa số nguyên tố là chính số đó.

b) Cách phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:

**Cách 1** : phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố theo cột dọc

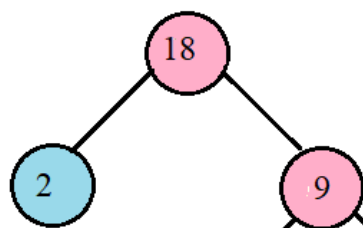
$$\begin{array}{r|l} 280 & 2 \\ 140 & 2 \\ 70 & 2 \\ 35 & 5 \\ 7 & 7 \\ 1 & \end{array} \quad 280 = 2^3 \cdot 5 \cdot 7$$

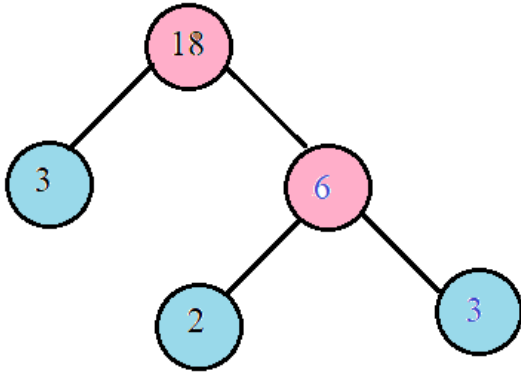
$$\begin{array}{r|l} 36 & 2 \\ 18 & 2 \\ 9 & 3 \\ 3 & 3 \\ 1 & \end{array} \quad 36 = 2^2 \cdot 3^2$$

• **Chú ý:**

Khi viết kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ta thường viết các ước nguyên tố theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

**Cách 2:** Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây:





$$18 = 2 \cdot 3^2$$

Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả.

*HS xem thêm ví dụ - Thực hành 2,3 SGK trang 33*

**BTVN** : Bài 1 + 4 + 5 + 6a,d + 7 SGK trang 34

**Bài 1 :**

- a) 213 là ..... Vì chỉ có .....
- b) 245 là ..... Vì 245 có .....
- c) 3 737 là ..... Vì 3 737 chỉ có .....
- d) 67 là ..... Vì 67 chỉ có .....

**Bài 4 :**

- a) ..... Vì tích của một số nguyên tố với 2 là một số chẵn.
- b) ..... Vì tích của số nguyên tố 2 với số nguyên tố nào khác cũng là số chẵn.
- c) ..... Vì các số nguyên tố đều lớn hơn 1 nên tích của hai số nguyên tố p và q luôn có 4 ước là

**Bài 5:**

- a)  $80 = \dots\dots\dots$   
 $\Rightarrow 80$  chia hết cho số nguyên tố .....
- b)  $120 = \dots\dots\dots$   
 $\Rightarrow 120$  chia hết cho số nguyên tố 2, 3 và 5.
- c)  $225 = 3 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 5 = 3^2 \cdot 5^2$   
 $\Rightarrow 225$  chia hết cho số nguyên tố .....
- d)  $400 = 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 5 \cdot 5 = 2^4 \cdot 5^2$   
 $\Rightarrow 400$  chia hết cho số nguyên tố .....

**Bài 6:**

- a)  $30 = \dots\dots\dots$   
 $\Rightarrow U(30) = \{1; 2; 3; 6; 10; 15; 30\}$ .
- d)  $242 = 2 \cdot 2 \cdot 11 = \dots\dots\dots$   
 $\Rightarrow U(242) = \{1; 2; 11; 22; 121; 242\}$ .

**Bài 7 :**  $a = 2^3 \cdot 3^2 \cdot 7$

Các số là ước của a là: 4, 7, 9, 21 và 24.

*HS gửi bài làm trên trang LMS nhé.*

## PHIẾU BÀI TẬP

### Bài 9

HS thực hiện bài tập 1,2 SGK trang 30

#### Bài 1 :

- a)  $6 \in U(48)$  vì .....
- b)  $12 \notin U(30)$  vì .....
- c)  $7 \in U(42)$  vì .....
- d)  $18 \notin B(4)$  vì .....
- e)  $28 \in B(7)$  vì .....
- g)  $36 \in B(12)$  vì .....

#### Bài 2:

- a)  $U(30) = \{1; 2; \dots\}$ .
- b)  $B(6) = \{0; \dots; 48\}$ .
- c)  $C = \{x \in \mathbb{N} \mid x : 18 \text{ và } 72 : x\} = \{18; 36; 72\}$ .

### Bài 10

#### Bài 1 :

- a) 213 là ..... Vì chỉ có .....
- b) 245 là ..... Vì 245 có .....
- c) 3 737 là ..... Vì 3 737 chỉ có .....
- d) 67 là ..... Vì 67 chỉ có .....

#### Bài 4 :

- a) ..... Vì tích của một số nguyên tố với 2 là một số chẵn.
- b) ..... Vì tích của số nguyên tố 2 với số nguyên tố nào khác cũng là số chẵn.
- c) ..... Vì các số nguyên tố đều lớn hơn 1 nên tích của hai số nguyên tố p và q luôn có 4 ước là

#### Bài 5:

- a)  $80 = \dots$   
=> 80 chia hết cho số nguyên tố .....
- b)  $120 = \dots$   
=> 120 chia hết cho số nguyên tố 2, 3 và 5.
- c)  $225 = 3 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 5 = 3^2 \cdot 5^2$   
=> 225 chia hết cho số nguyên tố .....
- d)  $400 = 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 5 \cdot 5 = 2^4 \cdot 5^2$   
=> 400 chia hết cho số nguyên tố .....

#### Bài 6:

- a)  $30 = \dots$

$$\Rightarrow U'(30) = \{1; 2; 3; 6; 10; 15; 30\}.$$

$$d) 242 = 2 \cdot 2 \cdot 11 = \dots\dots\dots$$

$$\Rightarrow U'(242) = \{1; 2; 11; 22; 121; 242\}.$$

## KHTN- TUẦN 4

### **BÀI 7: THANG NHIỆT ĐỘ CELSIUS. ĐO NHIỆT ĐỘ**

#### **I. NHIỆT ĐỘ VÀ NHIỆT KẾ**

##### **1. Nhiệt độ:**

Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.

- Vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn.
- Vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn.

##### **2. Nhiệt kế:**

Để đo nhiệt độ, người ta sử dụng nhiệt kế.

Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau: nhiệt kế rượu, nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế hồng ngoại,...

#### **II. THANG ĐO NHIỆT ĐỘ**

- Đơn vị  $^{\circ}\text{C}$ : thang đo nhiệt độ **Celcius**.
- Đơn vị  $^{\circ}\text{F}$ : thang đo nhiệt độ **Fahrenheit**.
- Đơn vị K: thang đo nhiệt độ Kelvin.

Cách đổi nhiệt độ:

Fahrenheit sang Celsius	Kelvin sang Celsius
$t (^{\circ}\text{C}) = (t (^{\circ}\text{F}) - 32) \times \frac{5}{9}$	$t (^{\circ}\text{C}) = T (\text{K}) - 273$

#### **III. THỰC HÀNH ĐO NHIỆT ĐỘ**

**Khi đo nhiệt độ của một vật, ta cần thực hiện các bước sau:**

*Bước 1:* Ước lượng nhiệt độ cần đo.

*Bước 2:* Chọn nhiệt kế phù hợp.

*Bước 3:* Hiệu chỉnh nhiệt kế đúng cách trước khi đo.

*Bước 4:* Thực hiện phép đo.

*Bước 5:* Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.



<http://www.youtube.com/embed/as73iXh-Ao8?start=42&end=95>

Trường THCS Châu Văn Liêm

**NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN NGỮ VĂN 6**  
**Thời gian: Tuần 5 ( 4/10/2021 – 10/10/2021)**

**BÀI 2: MIỀN CỔ TÍCH**

**I. Khái niệm**

**1. Truyện cổ tích:** Là loại truyện dân gian xoay quanh cuộc đời của một số kẻ nhân vật. Truyện thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa với cuộc sống đồng thời nói lên mơ ước về cuộc sống tốt đẹp.

- Truyện có yếu tố hoang đường, kỳ ảo
- Kiểu nhân vật: Bất hạnh, dưng sĩ, thông minh...
- Người kể chuyện : Là phần lời người kể đang tường thuật lại sự việc diễn ra.

**II. Tìm hiểu chung**

**1. Nhan đề là tên nhân vật chính:** Sọ Dừa, nhân vật bất hạnh – có ngoại hình xấu xí.

**2. PTBD:** Tự sự

**3. Truyện kể theo trình tự thời gian**

**4. Bố cục**

- + Phần 1: Sự ra đời của Sọ Dừa
- + Phần 2: Những thử thách của Sọ Dừa
- + Phần 3: Hạnh phúc của Sọ Dừa

**III. Đọc hiểu văn bản**

**1. Nhân vật Sọ Dừa**

**a. Ngoại hình**

- Xấu xí, dị biệt: Nhân vật thiệt thòi, đáng thương.

**b. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ;
- Tự tin vào bản thân; Giỏi giang, thông minh; Thủy chung, ngay thẳng.

**c. Kết cục của nhân vật**

- Vợ chồng Sọ Dừa sống hạnh phúc.

**2. Bài học rút ra**

- + Khi đánh giá người khác, phải nhìn toàn diện: hình thức, phẩm chất của họ.
- + Khi con người càng gặp hoàn cảnh khó khăn, không hoàn thiện về ngoại hình thì càng cần biết vươn lên để nâng cao và chứng tỏ giá trị bản thân.

**3. Các yếu tố kỳ ảo**

- Làm cho câu chuyện hay hơn, ly kỳ, hấp dẫn.
- Thể hiện ước mơ của nhân dân: có được khả năng kỳ diệu, người bất hạnh được bù đắp, người tốt sẽ được hưởng hạnh phúc...

**III. TỔNG KẾT**

**1. Nghệ thuật**

- Cốt truyện ly kỳ, hấp dẫn.
- Các chi tiết tưởng tượng kỳ ảo thú vị, bất ngờ.
- Xây dựng nhân vật có đặc điểm đặc biệt.

**2. Nội dung:**

- **Đề tài:** Ngoại hình và phẩm chất bên trong của con người.
- **Chủ đề:** Thể hiện ước mơ của nhân dân về công bằng xã hội: Những người thiệt thòi, bất hạnh, tốt bụng sẽ được hưởng hạnh phúc; những kẻ ác, tham lam sẽ bị trừng trị.
- **Ý nghĩa:** Nêu bài học về cách nhìn nhận, đánh giá con người (Không nên chỉ nhìn vẻ bề ngoài,

cần tìm hiểu, coi trọng phẩm chất bên trong của họ).

#### IV. LUYỆN TẬP

### Văn bản 2: EM BÉ THÔNG MINH

#### I. Tìm hiểu chung

1. **Nhan đề:** Em bé thông minh
2. **Nhân vật:** Em bé, người cha, vị quan, vua...
3. **PTBD:** Tự sự
4. Truyện kể theo **trình tự thời gian**

#### 5. Bộ cục:

- Phần 1: Vua tìm người hiền tài và em bé giải câu đố của quan
- Phần 2: Em bé giải câu đố của vua lần 1.
- Phần 3: Em bé giải câu đố của vua lần 2.
- Phần 4: Em bé giải câu đố của sứ giả nước ngoài.

#### II. Đọc hiểu văn bản

##### 1. Tóm tắt

HS CHỈ XEM BẢNG TÓM TẮT, KHÔNG GHI BÀI PHẦN NÀY			
Lần thử thách thứ nhất:	- Hoàn cảnh: hai cha con đang cày ruộng - Viên quan hỏi: Trâu của lão cày một ngày được mấy đường? → Không thể trả lời ngay một điều vớ vẩn, không ai để ý bằng một kết quả chính xác được.	- Em bé: Hỏi vặn lại viên quan. → Cách giải bất ngờ, lí thú. Em bé không lúng túng mà đẩy thế bị động sang phía người ra câu đố.	→ Nhanh trí, thông minh (ăn miếng trả miếng, tương kế tựu kế, gây ông đập lưng ông)
Lần thử thách thứ hai:	- Vua ra câu đố dưới hình thức lệnh vua ban. - Tính chất nghiêm trọng: "...cả làng phải chịu tội" - Câu đố phi lí, trái với qui luật tự nhiên. Mọi người lo lắng	- Bảo làng thịt hai con trâu và đồ gạo nếp - Nhận trách nhiệm lo liệu cả → Tự tin.	- Em bé đã tìm cách đối diện vua, đưa vua và quần thần vào bẫy của mình, để vua tự nói ra sự vô lí.
Lần thử thách thứ ba:	- Hai cha con phải thịt chim - Mục đích: để khẳng định chắc chắn sự thông minh của em bé.	Em bé giải đố bằng cách đố lại vua: đưa cây kim → vua rên dao.	- Vua phục tài, ban thưởng rất hậu.
Lần thử thách thứ tư:	Sứ thần nước ngoài đố: râu chỉ qua vỏ ốc vặn. - Tính chất nghiêm trọng, liên quan đến quốc gia. → Vua quan lúng túng, lo lắng, bất lực	- Em bé đã dùng kinh nghiệm từ đời sống dân gian để giải đố.	- Sứ thần nể phục người tài đất Việt.

2. **Chủ đề:** Đề cao sự thông minh và trí khôn của dân gian.

#### 3. Bài học

- Học sinh cần linh hoạt trong xử lý tình huống, khó khăn không được nản chí.
- Năng động, sáng tạo trong học tập, lao động.
- Học tập mọi lúc, mọi nơi và phải biết áp dụng kiến thức vào đời sống thực tế.

### ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

#### HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

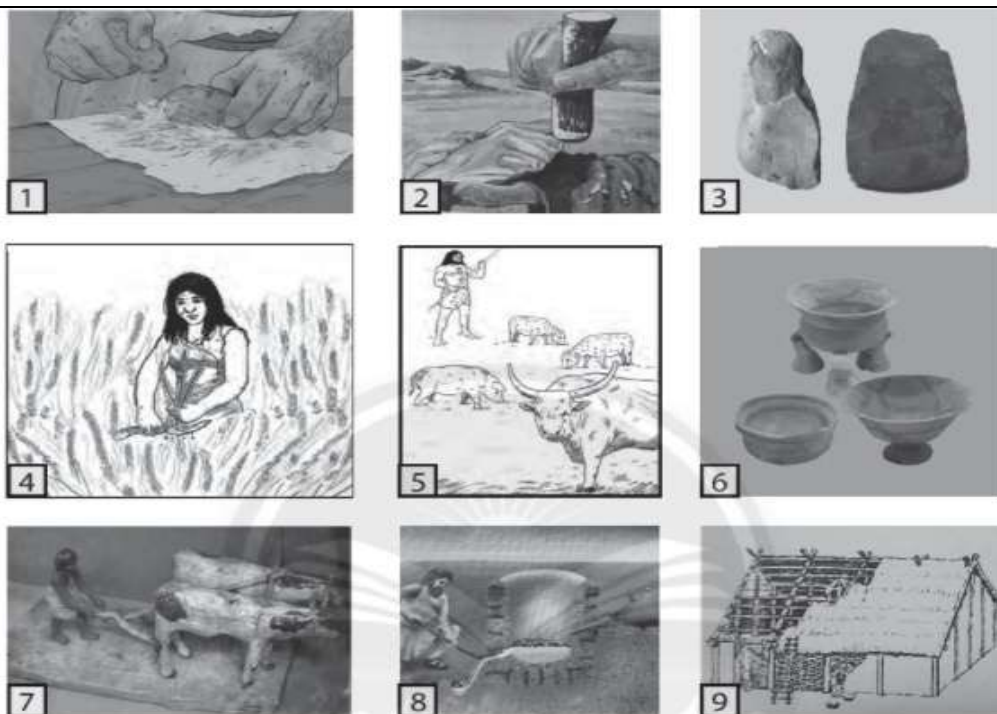
#### TUẦN 5

#### PHẦN LỊCH SỬ

2. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

NỘI	GHI CHÚ
-----	---------

DUNG	
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>Bài 5: SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP</b>
<b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<p><b>Đọc thông tin ở Mục I và sơ đồ 4.1 “Sự xuất hiện của công cụ bằng kim loại” trang 27-28 SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Con người đã phát hiện ra kim loại như thế nào?</li> <li>+ Quan sát hình từ 5.2 đến 5.4 và cho biết: công cụ và vật dụng bằng kim loại có điểm gì khác biệt về hình dáng, chủng loại so với công cụ bằng đá ?</li> </ul> <p><b>II. Đọc thông tin mục II. “Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy” trang 28 và quan sát sơ đồ 5.5 trang 29 SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá giữa “kẻ giàu” và “người nghèo” ?</li> <li>+ Mối quan hệ giữa người với người trong xã hội phân hoá “kẻ giàu” và “người nghèo” ?</li> </ul> <p><b>III. Đọc thông tin ở mục III. “Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy” trang 29-30/SGK LS-ĐL 6 và quan sát các hình từ 5.6 đến 5.9, để biết được:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chuyển biến quan trọng của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã là gì ?</li> <li>- Cuối thời nguyên thủy, người Việt cổ đã có những công cụ lao động và những ngành nghề sản xuất nào?</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Em hãy nêu các chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy. Phát minh quan trọng nào của người nguyên thủy được tạo ra từ chuyển biến này ?</li> <li>2. Người nguyên thủy đã có nhiều phát minh ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của loài người. Dựa vào các hình vẽ bên dưới, em hãy nêu tên và đưa ra các từ khoá về ý nghĩa của những phát minh đó (xem trang bên)</li> </ol>



3. Đọc đoạn văn mô tả về khu mộ Việt Khê dưới đây, em thấy có điểm gì khác nhau giữa các ngôi mộ Việt Khê ? Tại sao lại có sự khác nhau đó ?

“Khu mộ Việt Khê (Hải Phòng) có niên đại là 2.000 – 2.500 năm cách ngày nay. Trong năm ngôi mộ còn khá nguyên vẹn có một ngôi mộ chôn đầy hiện vật. Đó là một quan tài hình thuyền, được đục khoét từ một thân cây khổng lồ, dài 476 cm và rộng 77 cm. Có 107 hiện vật, chủ yếu bằng đồng, số ít là gỗ và đá, công cụ lao động hàng ngày, nhạc khí, vũ khí; có cả trống đồng là nhạc khí tiêu biểu của người Việt cổ. Bốn ngôi mộ nhỏ còn lại hiện vật không có gì”.

4. Dựa trên các công cụ lao động và những vật dụng của người nguyên thủy giai đoạn Phùng Nguyên, Đông Đậu và Gò Mun; hãy viết một đoạn văn mô tả cuộc sống của họ. (bài tập yêu cầu trí tưởng tượng nên GV gợi ý bằng một số từ khoá như: cách đây hơn 6.000 năm... mở rộng địa bàn cư trú...định cư...sinh sống...sản xuất...chăn nuôi...nghệ thuật...)

5. Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà ngày nay con người vẫn thừa hưởng từ các phát minh của người nguyên thủy (vật dụng là “đồ dùng hàng ngày”)

## 2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài:

### **Bài 5: SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP**

#### **I. Sự xuất hiện của công cụ bằng kim loại:**

- Vào thiên niên kỷ IV TCN (4000 năm TCN), con người tìm ra kim loại đầu tiên là đồng đỏ, rồi đến thế kỉ II TCN họ đã luyện được đồng thau và sắt.
- Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời, sớm nhất là ở Tây Á, Bắc Phi và Châu Âu.

#### **II. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy:**

- Nhờ có kim loại, con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, xẻ gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm nhà và khai thác mỏ. Nhờ vậy, năng suất lao động tăng nên sản phẩm dư thừa thường xuyên, xã hội phân hoá giàu nghèo.
- xã hội nguyên thủy tan rã nhường chỗ cho xã hội có giai cấp.

### **III. Việt Nam cuối thời nguyên thủy:**

- Cách đây hơn 4.000 năm, xã hội nguyên thủy Việt Nam có chuyển biến quan trọng, trải qua các nền văn hoá Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun. Với việc cư dân phát minh ra thuật luyện kim và biết chế tác công cụ lao động và vũ khí bằng đồng.
- Việc sử dụng công cụ lao động bằng kim loại giúp cư dân làm nông nghiệp, nghề thủ công, sống định cư và mở rộng địa bàn cư trú để thành lập các xóm làng đầu tiên.

**HẾT**

## **GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC** (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến) **TUẦN 5-PHẦN ĐỊA LÍ**

### **1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học** **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>Bài 3. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ (tiết 1)</b>
<b>+ Hoạt động 1 : Tìm hiểu về phương hướng trên bản đồ</b>	<p>Dựa vào thông tin trong bài và quan sát hình 3.4, em hãy:</p>  <p>Xác định vị trí của tòa nhà thư viện. Siêu thị ở phía nào của lược đồ? Công viên ở phía nào của lược đồ?</p>
<b>Hoạt động 2. Tìm hiểu về Tỷ lệ bản đồ</b>	<p>HS thực hiện yêu cầu</p> <p>1/ Khái niệm tỉ lệ bản đồ. 2/ nguyên tắc tính tỉ lệ bản đồ</p>

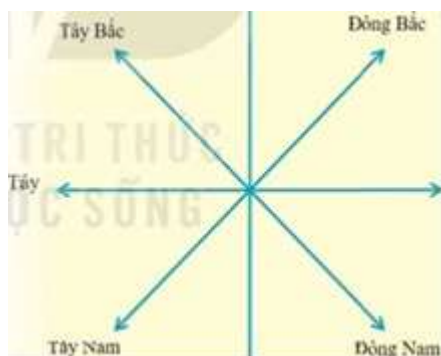
### **2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

#### **Bài 3. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ (tiết 1)**

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

#### **I/ Phương hướng trên bản đồ**

- Đầu trên của các kinh tuyến chỉ hướng bắc, đầu dưới chỉ hướng nam.
- Đầu bên trái của các vĩ tuyến chỉ hướng tây, đầu bên phải chỉ hướng đông



## II/ Tỷ lệ bản đồ

- Khái niệm: Tỷ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên ..... so với khoảng cách trên ..... Để thể hiện tỷ lệ bản đồ người ta dùng tỷ lệ ..... và tỷ lệ.....

- Nguyên tắc: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỷ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau:

. Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.

. Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

. Dựa vào tỷ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa

- Nếu trên bản đồ có tỷ lệ thước, ta đem khoảng cách AB trên bản đồ áp vào thước tỷ lệ sẽ biết được khoảng cách AB trên thực tế

## TUẦN 5- MÔN GDCD

## BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

## PHẦN HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

## A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập cho HS, giúp HS huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải quyết vấn đề, kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới của HS.

**b. Nội dung:** HS chơi trò chơi Đuổi hình bắt chữ về các câu ca dao, tục ngữ trong SGK tr. 8. và trả lời câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó?

**c. Sản phẩm:** HS đuổi được hình, bắt được chữ, trả lời được câu hỏi do GV nêu ra và kết nối được hoạt động vừa thực hiện với nội dung cần tìm hiểu trong bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV yêu cầu HS quan sát hình, nêu các câu ca dao, tục ngữ tương ứng và trả lời câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó?

- HS quan sát tranh, bắt chữ và trả lời câu hỏi do GV nêu ra.

- Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: Trong cuộc sống của chúng ta, lòng yêu thương có một ý nghĩa vô cùng quan trọng vì nó làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp. Cuộc sống vì thế mà cũng trở nên thân thiện, ấm áp, vui vẻ và hạnh phúc hơn. Để hiểu rõ hơn về sự yêu thương con người, chúng ta tìm hiểu **bài 2: Yêu thương con người.**

## B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( Khám phá)


## Hoạt động 1: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi (Khái niệm)

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được những biểu hiện yêu thương con người của các nhân vật trong câu chuyện và rút ra được khái niệm yêu thương con người;

**b. Nội dung:** HS đọc câu chuyện trong SGK tr. 8 - 9 và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 trong SGK tr. 9.

**c. Sản phẩm:** HS phân tích được câu chuyện và nêu được khái niệm yêu thương con người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Người bạn mới của lớp mới của lớp trong SGK tr. 8 - 9 và trả lời các câu hỏi sau:</p> <div data-bbox="95 1590 726 2094" style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p style="text-align: center;"><b>Người bạn mới của lớp</b></p>  <p>Trà là một học sinh mới chuyển đến lớp 6A1. Trà bé nhỏ, có tật ở chân, nhà lại ở xa trường nên đi học rất khó khăn.</p> <p>Một buổi sáng, mưa như trút, Trà đến lớp trễ hơn 15 phút với bộ quần áo ướt sũng, tay chân run cầm cập. Ngay lập tức, cô giáo cùng các bạn đưa Trà xuống phòng y tế, sau đó, mượn quần áo để bạn thay cho đỡ lạnh. Cả lớp ai cũng thấy thương Trà.</p> <p>Cô giáo chủ nhiệm cùng với lớp trưởng sau khi thảo luận đã đưa ra ý kiến: Hằng ngày, những bạn đi học bằng xe đạp sẽ thay nhau đến đón Trà. Cả lớp đều đồng tình hưởng ứng rất nhanh.</p> <p>Cuối năm học, Trà xúc động nói: "Chính tình yêu thương của cô giáo và các bạn đã giúp mình có nghị lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Cảm ơn tình yêu thương của cô và các bạn thật nhiều."</p> </div> <p>+ Em có nhận xét gì về những tình cảm và</p>	<p><b>1. Khái niệm</b></p> <p>- Cô giáo và các bạn học sinh lớp 6A1 dành rất nhiều tình yêu thương và giúp đỡ cho Trà.</p> <p>- Những tình cảm và việc làm ấy đã giúp Hà có thêm nghị lực để vượt qua hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>- Tình yêu thương là sự quan tâm, giúp đỡ người khác trong hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>- Tình yêu thương con người mang lại cho chúng ta niềm vui, ấm áp và vượt qua hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>=&gt; <b>Khái niệm:</b> Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những</p>

<p>việc làm mà cô giáo và các bạn học sinh lớp 6A1 dành cho Trà?</p> <p>+ Những tình cảm và việc làm ấy đã giúp Trà điều gì?</p> <p>+ Theo em, thế nào là yêu thương con người?</p> <p>+ Tình yêu thương con người mang lại cho chúng ta điều gì?</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>+ HS hoạt động theo nhóm đôi, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.</p> <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>+ GV mời 2, 3 HS trả lời</p> <p>+ Các bạn khác nhận xét, bổ sung cho nhau.</p> <p><b>- Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <p>+ GV nhận xét, dẫn dắt HS hướng tới khái niệm siêng năng, kiên trì</p> <p>+ GV chuẩn kiến thức.</p>	<p>người gặp hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.</p>
--	--

### **Hoạt động 2: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi (Biểu hiện của yêu thương con người)**

**a. Mục tiêu :** HS phân biệt được biểu hiện yêu thương con người, biểu hiện trái yêu thương con người và thể hiện thái độ phù hợp với biểu hiện đó.

**b. Nội dung :** HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi để xác định được biểu hiện của yêu thương con người, biểu hiện trái yêu thương con người và thể hiện thái độ phù hợp với biểu hiện đó.

**c. Sản phẩm :** HS nêu được biểu hiện của yêu thương con người thể hiện qua tranh 1, 2 biểu hiện trái với yêu thương con người qua tranh 3, 4 và thể hiện được thái độ đồng tình, ủng hộ với tranh 1, 2; thái độ không đồng tình, phê phán với tranh 3, 4.

**d. Tổ chức thực hiện :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV yêu cầu HS quan sát 4 bức tranh trong SGK tr. 9 và hoàn thành PHT số 1.</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> + HS hoạt động cá nhân, tìm câu trả lời cho các câu hỏi của GV giao. + GV quan sát và trợ giúp HS khi cần thiết.</p> <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> + GV mời 2,3 HS chia sẻ câu trả lời + Bạn khác nhận xét, bổ sung (nếu có)</p> <p><b>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> + GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.</p>	<p><b>2. Biểu hiện của yêu thương con người</b></p> <p>- Hình ảnh 1,2: thể hiện yêu thương con người. Em rất đồng tình và tham gia vào hoạt động ở hình 1,2.</p> <p>- Hình ảnh 3,4: trái với yêu thương con người. Em không đồng ý với việc làm của các bạn nhỏ trong hình 3,4.</p> <p>=&gt; <b>Biểu hiện:</b></p> <p>- Biểu hiện của yêu thương con người: Quan tâm, giúp đỡ, thông cảm, sẻ chia, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác,...</p> <p>- Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỉ, thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người</p>

khác,...

**Hoạt động 3 : Chọn thông điệp yêu thương và ý nghĩa của thông điệp đó.****a. Mục tiêu :** HS trình bày được giá trị của yêu thương con người.**b. Nội dung :** HS lựa chọn một thông điệp yêu thương trong SGK tr.10 và thảo luận với bạn để rút ra ý nghĩa của thông điệp đó.**c. Sản phẩm:** HS rút ra được ý nghĩa của yêu thương con người qua các thông điệp yêu thương.**d. Tổ chức thực hiện :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 thông điệp yêu thương trong SGK tr. 10 và thảo luận nhóm kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành phiếu học tập số 2.</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> + HS hoạt động theo nhóm từng bàn, thảo luận và bàn luận về các câu hỏi của GV giao. + GV quan sát và trợ giúp các nhóm khi cần thiết.</p> <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> + GV mời đại diện các nhóm chia sẻ câu trả lời + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.</p> <p><b>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> + GV nhận xét, đánh giá và kết luận:</p>	<p><b>2. Ý nghĩa của yêu thương con người</b> <b>- Ý nghĩa :</b> Tình yêu thương con người giúp chúng ta sống tốt đẹp hơn, được mọi người kính trọng, tin yêu và góp phần tạo nên một thế giới yêu thương.</p>

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	<p><b>Khối 6: Tuần 5- Tiết 5</b></p> <p>- Học Hát: Tiếng chuông và ngọn cờ - Lí thuyết âm nhạc: Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái la tinh.</p>
	<p><b>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Tim hiểu bài hát</b></p> <p><i>Tiếng chuông và ngọn cờ được nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác năm 1985 để hưởng ứng phong trào quốc tế thiếu nhi Ngọn cờ hoà bình. Bài hát gồm hai đoạn nhạc, nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn cuộc sống hoà bình, hữu nghị, đoàn kết giữa các dân tộc trên toàn thế giới.</i></p> <p><b>2. Học hát</b></p>

**HÁT** **TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ** *Nhạc và lời: Phạm Tuyên*

*Nhịp đi*

Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào.  
 Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh.  
 Một quả cầu đẹp tuốt lung linh giữa trời sao. Trái đất chính  
 Bàn tay em điểm tô cho trái đất đẹp xinh. Thế giới muốn  
 là nhà bao gần bỏ thiết tha. Và bạn nhỏ gần  
 hoà bình và chán ghét chiến tranh. Cùng hoà chung tiếng  
 xa đây chính gia đình của ta. Boong bình boong hồi chuông  
 hát chúng em cô chung niềm tin.  
 ngân vang khắp nơi. Trong khúc ca đây tình yêu thương sáng  
 ngời. Boong bình boong cờ bay giữa tiếng chuông ngân. Hãy phất cao  
 lên lá cờ hoà bình. cờ của ta.

Nghe giai điệu từng câu một và hát lại cho đến hết bài.

**3. Luyện tập**

**Vận dụng bộ gõ nhạc đệm, vận động cơ thể theo tiết tấu, nhịp phách.**

*Hát*

Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào...

Kí hiệu 7 bậc âm cơ bản bằng hệ thống chữ cái La tinh

**Thể hiện tiết tấu bằng nhạc cụ gõ và động tác cơ thể**

Vừa hát vừa kết hợp nhạc cụ tiết tấu bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ*

**Hoạt động 2:**  
**Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

- Nội dung bài hát nói về chủ đề gì?
- Em cần làm gì để thể hiện tình đoàn kết, yêu chuộng hòa bình?

## CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC

### Tiết 5: Bài 3: TRANH IN HOA LÁ

(Tiết 1)

#### I- Khám phá tranh hoa, lá :

- Nét, hình, màu trong bức tranh được thể hiện bằng sự đan xen các yếu tố màu sắc (màu đậm, màu nhạt) hài hòa. Hai bức tranh đều gam màu nóng (đỏ, vàng ) làm gam màu chủ đạo.

- Bức tranh được tạo ra bằng cách vẽ màu nước lên giấy vẽ.



#### II- Cách tạo bức tranh bằng hình thức in

- Hình in có thể tạo được những bức tranh ấn tượng và sinh động.

- Các bước tạo bức tranh bằng hình thức in :

B1. Lựa chọn hoặc tạo những vật liệu có bề mặt nổi làm khuôn in.

B2. Bôi màu vào khuôn và in hình lên giấy để tạo bức tranh.

B3. In thêm hình, màu tạo sự hài hoà và nhịp điệu cho bức tranh.

B4. Hoàn thiện bức tranh.

- Kỹ thuật in đồ họa được sử dụng khá phổ biến trong đời sống; có thể tạo ra tác phẩm mỹ thuật, nâng cao giá trị sử dụng và tính thẩm mỹ cho sản phẩm.



1. Lựa chọn hoặc tạo những vật liệu có bề mặt nổi làm khuôn in.
2. Bôi màu vào khuôn và in hình lên giấy để tạo bức tranh.
3. In thêm hình, màu tạo sự hài hoà và nhịp điệu cho bức tranh.
4. Hoàn thiện bức tranh.

## TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

Tuần 5 ( tiết 13,14,15 )

Unit 1 : Towns and cities

( Lesson 4 : Vocabulary and listening ( p.18 ) ; Lesson 5 : Language focus ( p.19 ) ; Lesson 6 :  
Speaking ( p. 20 ) )

### 1. Vocabulary

- dirty ( adj )
- clean ( adj )
- noisy ( adj )
- quiet ( adj )
- ugly ( adj )
- pretty ( adj )
- dangerous ( adj )
- safe ( adj )
- friendly ( adj )
- unfriendly ( adj )
- modern ( adj )
- old ( adj )

Do exercise: 1,2,3,4,5 p.18 ( student book )

### 2. Grammar :

#### \* **COMPARATIVE ADJECTIVES**

##### 1) **Short adjectives** (1-syllable adjectives)

$S_1 + V + \text{Adj-ER} + \text{THAN} + S_2$
---

Ex: Bikes are slower than cars.

##### 2) **Long adjectives** (2 or more syllable adjectives)

$S_1 + V + \text{MORE} + \text{ADJ} + \text{THAN} + S_2$
--

Ex: French is more difficult than English.

#### \* **Some special cases**

- good → better
- well (healthy) → better
- bad → worse
- far → farther/further

#### \* Note:

- With some 2-syllable adjectives, we can use "-er" OR "more":
  - o *quiet* → *quieter* / *more quiet*
  - o *clever* → *cleverer* / *more clever*
  - o *narrow* → *narrower* / *more narrow*
  - o *simple* → *simpler* / *more simple*
- If the adjective ends in *-e*, we add *-r*. (safe → safer)
- Final *-y* changes to *-ier*. (pretty → prettier)

- One – syllable adjective endings with vowel and one consonant, we double the consonant. (big → bigger)

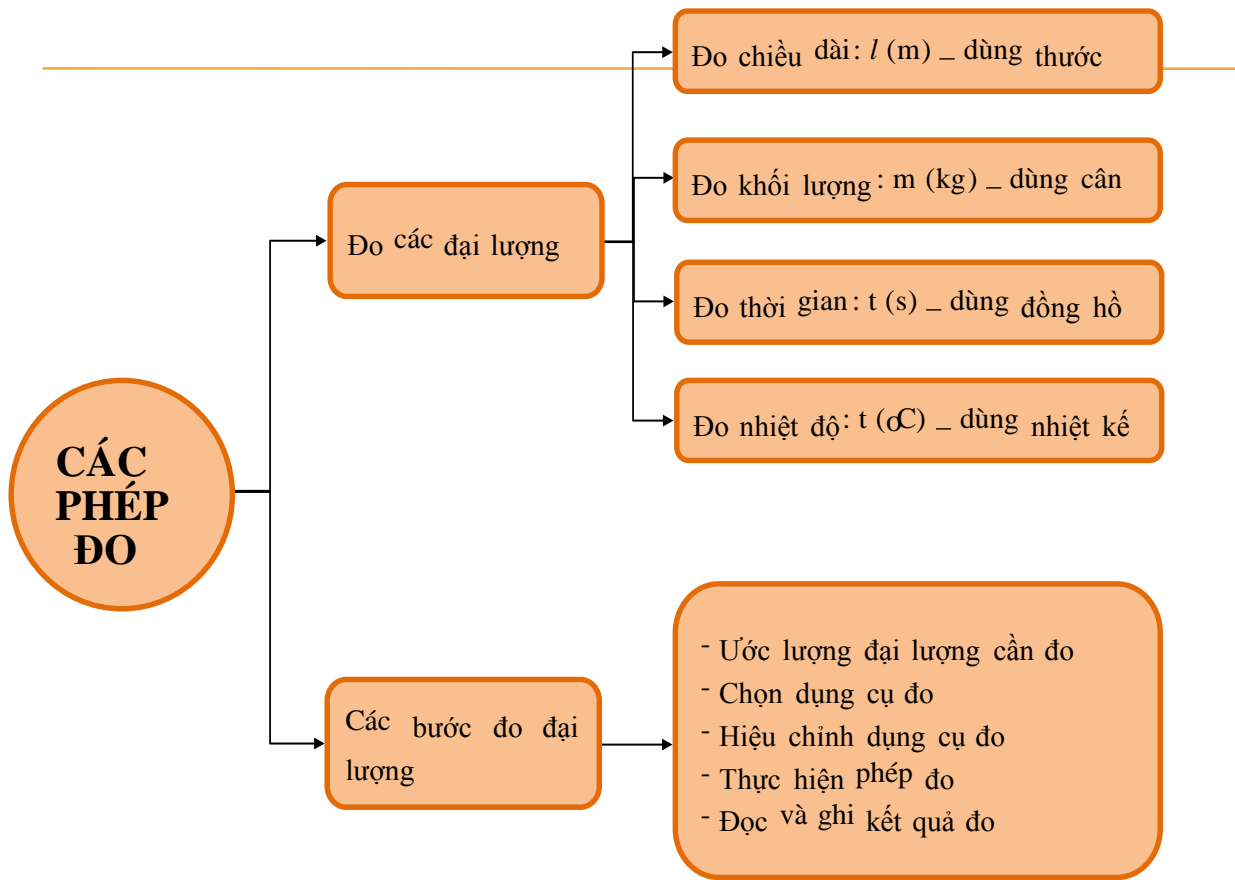
Do exercise: 1,2,4 p.19 ( student book )

3. WB (p.14) WB (p.15)

Môn KHTN 6

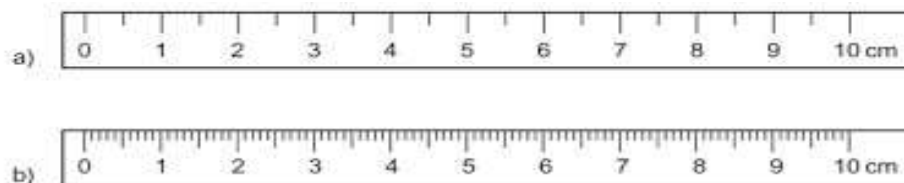
Tuần 5:

# ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1



## LUYỆN TẬP

1. Quan sát thước như hình vẽ và cho biết GHĐ và ĐCNN của thước ở hình a) và b) là bao nhiêu?



Hình 1-2.2

2. Cho bảng sau

Chiều rộng của quyển vở



Chiều dài cái bàn học



Đường kính của viên bi

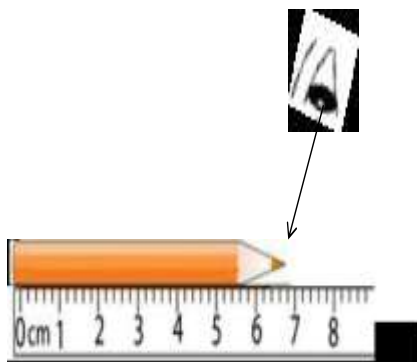


Thợ may cần biết số đo cơ thể của khách hàng để may quần áo

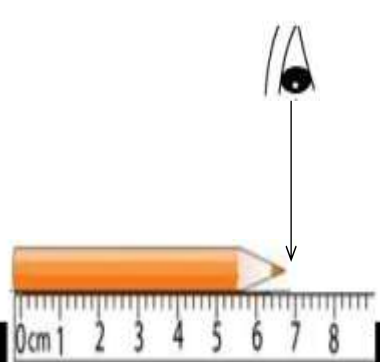


Với mọi trường hợp trên em hãy ước lượng để chọn thước đo thích hợp trong các loại thước sau: thước cuộn, thước dây, thước thẳng, thước kẹp

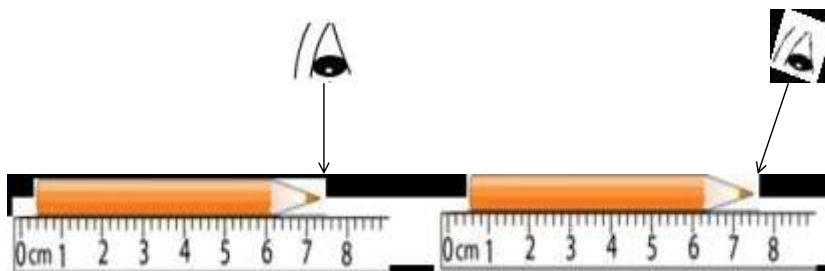
3. Trong các hình bên dưới, hình nào thể hiện sai thao tác khi đo chiều dài của cây bút chì? Em hãy sửa lại cho đúng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

4. Mẹ bạn Hà nhờ Hà đi chợ mua 1 số loại trái cây với khối lượng như bản sau:

Tên loại trái cây	Khối lượng
Cam	500 g
Táo	2 kg

Nho	6 lạng
Bưởi	5 kg

- a. Em hãy cho biết 1 lạng bằng bao nhiêu gram, 1 gram bằng bao nhiêu kilogram?  
 b. Bạn Hà đã mua tổng cộng bao nhiêu kilogram trái cây?

5. Trong các loại cân sau: cân tạ, cân đòn, cân đồng hồ, cân y tế, cân tiểu li. Hãy ước lượng để chọn loại cân phù hợp cho những trường hợp sau:

- a) Cân những bao gạo trước khi đưa vào kho  
 b) Cân hoa quả ở chợ  
 c) Cân em bé để kiểm tra sức khỏe  
 d) Cân vàng, bạc ở các tiệm bán vàng

6. Ở Việt Nam khối lượng vàng thường được tính theo đơn vị: chỉ, lạng hay cây và các đơn vị này có mối liên hệ với nhau:

$$1 \text{ lạng vàng} = 1 \text{ cây vàng} = 10 \text{ chỉ vàng}$$

$$1 \text{ lạng vàng nặng } 37,5 \text{ gram}$$

- a) Hãy cho biết tên các loại cân mà người ta dùng để cân vàng  
 b) 1 chỉ vàng nặng bao nhiêu gram?  
 c) 1kg vàng sẽ tương đương bao nhiêu cây vàng?

7. Trong 1 cuộc thi chạy bền của các bạn học sinh trường THCS A thu được số liệu như sau:

Tên HS	Lan	Bình	Nam	Hoa	Dũng
Thời gian hoàn thành	2 phút 10 giây	120 giây	2 phút 5 giây	127 giây	2 phút 12 giây

Em hãy cho biết bạn nào chạy nhanh nhất? Bạn nào chạy chậm nhất? Vì sao em biết?

8. Em hãy cho biết:

- a) Một thế kỉ là bao nhiêu năm?  
 b) Năm 200 được tính là năm đầu tiên của thế kỉ 21. Vậy năm kết thúc của thế kỉ này là năm bao nhiêu?

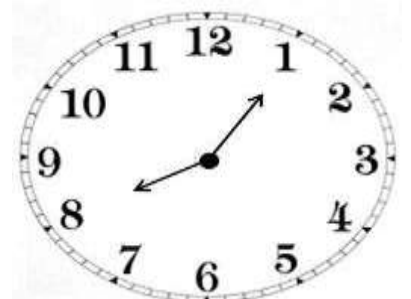
9. Quan sát hình sau:



Hình a



Hình b



Hình c

- a) Em hãy cho biết thời gian hiển thị trên các đồng hồ trên đây  
 b) Biết kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút. Em hãy quay kim trên mặt đồng hồ sao cho đồng hồ chỉ 7 giờ 20 phút và 9 giờ 35 phút

10. Trường của bạn Bình tổ chức 1 chuyến du lịch ngoại khóa tại Củ Chi cách trường khoảng 100km. Xe khởi hành tại trường lúc 6 giờ sáng. Trên đường đi xe có dừng lại 1 điểm A khoảng 30phút cho các bạn ăn sáng. Xe rời khỏi điểm A lúc 7 giờ 30 phút và tới Củ Chi lúc 8 giờ 40 phút. Hỏi:

- a) Quãng đường đi từ trường đến khu du lịch là bao nhiêu mét?  
 b) Xe đến điểm A lúc mấy giờ?  
 c) Khoảng thời gian xe chạy từ điểm A đến Củ Chi là bao nhiêu phút?



6 giờ sáng



7 giờ 30 phút



8 giờ 40 phút



11. Quan sát nhiệt kế sau:

- a) Nhiệt kế có tên gọi là gì?  
 b) Nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất mà nhiệt kế đo được là bao nhiêu?  
 c) Nhiệt độ được ghi màu đỏ là bao nhiêu?

Nhiệt độ này cho biết điều gì?

12. Bằng giác quan, chúng ta có thể cảm nhận sai 1 số hiện tượng. Em hãy tìm vd cho thấy con người chúng ta nếu dùng cảm giác cảm nhận về nhiệt độ của vật thì kết quả không chính xác

13. Nước là 1 chất rất quan trọng trong nhiều ngành khoa học và trong đời sống. 70% diện tích bề mặt của Trái đất được nước che phủ nhưng chỉ 0,3%

lượng nước trên Trái đất nằm trong các nguồn có thể khai dùng làm nước uống. Nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi nước đã được Celsius dùng làm hai điểm mốc cho độ bách

Celsius. Cụ thể, nhiệt độ đóng băng của nước là 0 độ Celsius, còn nhiệt độ sôi bằng 100 độ Celsius. Nước đóng

được gọi là **nước đá**. Nước đã hóa hơi được gọi là **hơi**

**nước**. Nước có tính chất là với nhiệt độ trên 4 độ C, nước có đặc tính giống mọi vật khác là nóng nở, lạnh co; nhưng với nhiệt độ dưới 4 độ C, Nước lại lạnh nở, nóng co. Điều này không được quan sát ở bất kì một chất nào khác.

- a) Nhiệt độ đóng băng và nhiệt độ sôi của nước là bao nhiêu?  
 b) Em hãy chuyển đổi nhiệt độ đóng băng và nhiệt độ sôi của nước sang thang nhiệt độ Fahrenheit  
 c) Tại sao người ta không dùng nước để chế tạo nhiệt kế?



tổng  
thác  
của  
phân  
băng

## TIN HỌC 6

### CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

#### **BÀI 5. DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH**

##### **1. Biểu diễn số để tính toán trong máy tính**

- Số nhị phân là số tạo thành từ cách biểu diễn chỉ dùng hai kí hiệu “0” và “1”.
- Máy tính dùng dãy bit để biểu diễn các số trong tính toán.

##### **2. Dữ liệu và các bước xử lí thông tin trong máy tính**

- Mọi dữ liệu trong máy tính đều là dãy bit (bit kí hiệu là “b”). Với máy tính, thông tin và dữ liệu số là một, đều chỉ là các dãy bit.

- Chu trình xử lí thông tin của máy tính:

- + Xử lí đầu vào
- + Xử lí dữ liệu
- + Xử lí đầu ra

##### **3. Dung lượng lưu trữ của một số thiết bị thường gặp**

- Byte là đơn vị đo lường dữ liệu, kí hiệu là B.
- Các bội số của byte được tạo ra bằng cách nhân thêm (bằng 1024 lần).
- Một số bội số của byte là: Kilobyte (KB), Megabyte (MB), Gigabyte (GB), Terabyte (TB).

- Dung lượng một số thiết bị nhớ:

- + Thẻ nhớ: 1GB -> 8GB, 16GB, 32GB, 64GB, ...
- + USB dung lượng tương tự thẻ nhớ.
- + Đĩa CD lưu được từ 5GB -> 17GB

+ Điện thoại thông minh 16GB, 32GB, 64GB,...

+ Ổ cứng máy tính: Vài trăm GB đến vài TB.

## PHIẾU HỌC TẬP

**Bài 1.** *Số đếm biểu diễn bằng dãy bit 111 có bằng với số 111 ở hệ thập phân không ? Vì sao ?*

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2.** *Có bạn nói : “Trong máy tính điện tử, các số được biểu diễn như trong hệ thập phân chúng ta quen dùng, vì người ta vẫn nhập các số thập phân vào máy tính để tính toán ”. Em có đồng ý với ý kiến đó không ? Vì sao ?*

.....

.....

.....

.....

.....

## BÀI 11: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

**:Lập bảng số nguyên tố không vượt quá 100.**

(Học sinh lập bảng số nguyên tố không vượt quá 100 theo hướng dẫn )

**Hướng dẫn:**

+ Số nguyên tố nhỏ nhất là số 2. Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số 97.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ, chẳng hạn số 2.

+ Không phải mọi số nguyên tố đều là hợp số, chẳng hạn số 2.

Có 25 số nguyên tố trong phạm vi 100 là: 2, 3, 5, 7, 11, 13, 17, 19, 23, 29, 31, 37, 41, 43, 47, 53, 59, 61, 67, 71, 79, 83, 89, 97.

**BTVN: Học sinh làm bài tập 1,2,3,4 SGK**

## BÀI 12: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT (tt)

### 1. Ước chung.

- **Ước chung** của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.

- Tập hợp các ước chung của hai số a và b kí hiệu là  $ƯC(a, b)$ .

$x \in ƯC(a, b)$  nếu  $a : x$  và  $b : x$ .

- Tương tự, tập hợp các ước chung của a, b, c kí hiệu là  $ƯC(a, b, c)$ .

$x \in ƯC(a, b, c)$  nếu  $a : x$ ,  $b : x$  và  $c : x$

**Thực hành 1:**(Học sinh tự thực hiện)

**\* Cách tìm ước chung của hai số a và b:**

- Viết tập hợp các ước của a và ước của b:  $Ư(a)$ ,  $Ư(b)$ .

- Tìm những phần tử chung của  $Ư(a)$  và  $Ư(b)$ .

**Thực hành 2: (Học sinh thực hiện bằng cách điền vào chỗ chấm)**

a)  $Ư(36) = \{ \dots \}$

$Ư(45) = \{ \dots \}$

$\Rightarrow ƯC(36; 45) = \{ \dots \}$ .

b)  $Ư(18) = \{ \dots \}$

$Ư(36) = \{ \dots \}$

$Ư(45) = \{ \dots \}$

$\Rightarrow ƯC(18, 36, 45) = \{ \dots \}$ .

### 2. Ước chung lớn nhất.

**Thực hiện HDDKP2 vào tập chép**

*Nhận xét:* Với mọi  $a, b \in \mathbb{N}$ , ta có:

$ƯCLN(a, 1) = 1$ ;  $ƯCLN(a, b, 1) = 1$

**Làm Thực hành 3 vào tập chép**

### 3. Cách tìm ước chung lớn nhất.

**\* Quy tắc:**

B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;

B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung**;

B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ nhỏ nhất**. Tích đó là  $ƯCLN$  phải tìm.

*Ví dụ 5:* Tìm  $ƯCLN$  của 18 và 30.

$18 = 2 \cdot 3^2$

$30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$

$\Rightarrow ƯCLN(18, 30) = 2 \cdot 3 = 6$

**Thực hành 4: ( Học sinh thực hiện bằng cách điền vào chỗ chấm)**

+ Tìm ƯCLN(24, 60)

$$24 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

$$60 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(24, 60) = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

+ Tìm ƯCLN(14, 33)

$$14 = \dots\dots\dots$$

$$33 = \dots\dots\dots$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(14, 33) = \dots\dots\dots$$

+ Tìm ƯCLN (90, 135, 270)

$$90 = \dots\dots\dots$$

$$135 = \dots\dots\dots$$

$$270 = \dots\dots\dots$$

$$\Rightarrow \text{ƯCLN}(90, 135, 270) = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

- Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau: Hai số **nguyên tố cùng nhau** là hai số có ƯCLN bằng 1.

VD:  $\text{ƯCLN}(14, 33) = 1 \Rightarrow 14$  và  $33$  là hai số nguyên tố cùng nhau.

**4. Ứng dụng trong rút gọn phân số. (Chép vào vở)**

- Ta **rút gọn phân số** bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).

*Chú ý:* Để rút gọn một phân số,, ta có thể chia cả tử và mẫu của phân số đó cho ước chung lớn nhất của chúng để được **phân số tối giản**

VD:  $\frac{18}{30}$  chưa tối giản và  $\text{ƯCLN}(18, 30) = 6$

$$\Rightarrow \frac{18}{30} = \frac{18:6}{30:6} = \frac{3}{5}$$

Ta có:  $\frac{3}{5}$  là phân số tối giản.

**Thực hành 5( Học sinh thực hiện bằng cách điền vào chỗ chấm)**+ Có:  $\text{ƯCLN} ( 24, 108) = \dots\dots\dots$ 

$$\frac{24}{108} = \frac{24 : \dots\dots\dots}{108 : \dots\dots\dots} = \frac{2}{9}$$

$$\frac{108}{108} = \frac{108 : \dots\dots\dots}{108 : \dots\dots\dots} = \frac{9}{9}$$

+ Có:  $\text{ƯCLN} ( 80, 32) = 16$ 

$$\frac{80}{32} = \frac{80 : \dots\dots\dots}{32 : \dots\dots\dots} = \frac{5}{2}$$

$$\frac{32}{32} = \frac{32 : \dots\dots\dots}{32 : \dots\dots\dots} = \frac{2}{2}$$

**BTVN: Làm bài tập 1,2,3,4,5 sgk**

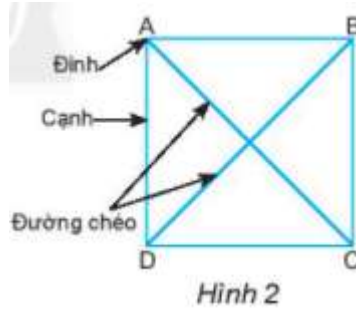
**CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN**  
**BÀI 1: HÌNH VUÔNG - TAM GIÁC ĐỀU - LỤC GIÁC ĐỀU.**

**1. Hình vuông****HĐKP1:**

a) Hình c) là .....



b) Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì thấy các cạnh .....và các góc .....  
Hình vuông ABCD ( Hình 2) có:



- Bốn **đỉnh**:.....
- Bốn **cạnh** .....

$$AB = BC = CD = DA$$

Các đường chéo: AC, BD.

- Bốn **góc** bằng nhau và bằng góc vuông.
- Hai .....là AC và BD.

### Thực hành 1:

Sau khi kiểm tra thì ta nhận thấy hai đường chéo AC và BD.....

=> Hai **đường chéo** của hình vuông .....

### Thực hành 2: Vẽ hình vuông vào vở thông qua các hướng dẫn sau

Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm bằng thước và ê ke:

- + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 4cm.
- + Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D như hình vẽ trong SGK (tr 76).
- + Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.

=> Ta được **hình vuông ABCD**.

**VD: Học sinh thực hiện bài tập 2 sgk.**

### 2. Tam giác đều

Tam giác ABC ( Hình 5) có :

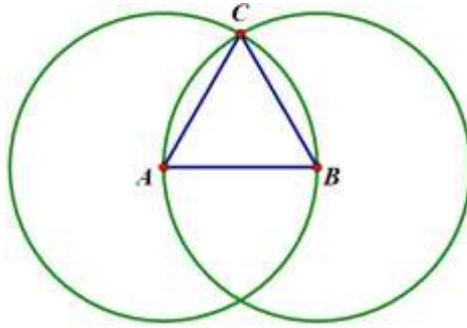
- Ba **đỉnh**: A, B, C ;
- Ba **cạnh** bằng nhau:  $AB = AC = BC$ .
- Ba **góc** đỉnh A, B, C bằng nhau.
- Tam giác ABC như thế được gọi là **tam giác đều**.

### Thực hành 4:

( HS thực hành cắt)

### Thực hành 5: Vẽ tam giác đều.

Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3cm bằng thước và compa.



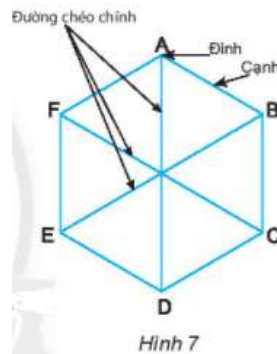
### 3. Hình lục giác đều

**HĐKP3: (Học sinh thực hiện theo hướng dẫn)**

a) HS ghép các tam giác đều theo hướng dẫn để được hình 6.



b) **Nhận xét:** Các góc và các cạnh của tam giác đều bằng nhau.  
Xét hình ABCDEF ( Hình 7) có:



- Sáu **đỉnh** A, B, C, D, E, F.
- Sáu **cạnh** bằng nhau.
- Sáu **góc** đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.
- Ba **đường chéo chính** là AD, BE, CF.

Hình ABCDEF như thế được gọi là hình **lục giác đều**.

$$AB = BC = CD = DE = EF = FA$$

**Thực hành 6: (Học sinh thực hiện theo hướng dẫn)**

Sau khi dùng thước đo thì ta thấy các đường chéo chính AD, BE, CF có độ dài bằng nhau.

=> Trong hình lục giác đều ba **đường chéo chính** bằng nhau.